



TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH XUÂN LỘC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Xuân Lộc, ngày 15 tháng 8 năm 2026

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN (ĐỢT 5)

Thuộc dự án: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT. 773 (Long Thành- Cẩm Mỹ- Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, đoạn qua địa bàn xã Xuân Đông, thành phố

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)									Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
			Tổng	Phi nông nghiệp		Nông nghiệp													Chưa sử dụng
				Tổng	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa khác	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất nông nghiệp khác								
1	Ông Nguyễn Văn Thành và bà Trần Thị Thanh	Ấp 7, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	1574,4	-	-	1574,4	-	-	50,1	1524,3	-	-	452.010.240	20.736.000	-	469.306.800	20.000.000	962.053.040	
2	Ông Ngô Đình	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai.	763,4	-	-	763,4	-	-	-	763,4	-	-	219.172.140	-	3.053.600	-	-	222.225.740	
3	Ông Hoàng Ngọc Tranh và bà Nguyễn Thị Tám	Ấp 1, Xuân Đông, Đồng Nai	1710,1	-	-	1710,1	-	-	-	1710,1	-	-	394.263.555	-	14.438.250	367.072.965	20.000.000	795.774.770	
4	Ông Nguyễn Văn Hội và bà Hoàng Thị Kim Loan	Ấp 7, xã Xuân Đông, Đồng Nai	1059,1	-	-	1059,1	1059,1	-	-	-	-	-	244.175.505	-	23.829.750	252.595.350	20.000.000	540.600.605	
5	Bà Hồ Thị Lợi	Ấp 1, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	2430,5	300	300	2130,5	1111,2	-	-	1019,3	-	-	2.785.689.250	1.400.133.146	149.634.766	1.707.427.500	20.000.000	6.062.884.662	
6	Ông Bùi Văn Hoà	ấp Tây Minh, xã Xuân Phú, tỉnh Đồng Nai	3.710	-	-	3.710	-	-	-	3.710	-	-	855.340.500	11.893.056	-	891.675.000	20.000.000	1.778.908.556	
7	Ông Trương Quốc Anh	Ấp 1, Xuân Đông, TP. Đồng Nai	1001,3	-	-	1001,3	1001,3	-	-	-	-	-	230.849.715	5.488.960	6.684.236	-	16.000.000	259.022.911	
8	Ông Nguyễn Văn Hữu	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai.	3371,5	-	-	3371,5	279,2	-	423,7	2668,6	-	-	777.299.325	16.386.000	14.371.600	807.522.750	20.000.000	1.635.579.675	
9	Ông Nguyễn Phòng và bà Lê Thị Hằng	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai.	4502,5	-	-	4502,5	-	-	3076,7	1425,8	-	-	1.292.667.750	9.676.800	10.704.000	1.337.242.500	20.000.000	2.670.291.050	
10	Ông Phạm Văn Huệ	Số 222, tổ 9, ấp 1, xã Nhơn Trạch, Thành phố Đồng Nai	6173,7	-	-	6173,7	538,6	-	3447,4	1509,7	678	-	1.512.930.220	5.184.000	169.688.400	855.000	20.000.000	1.708.657.620	
11	Ông Lê Chí Hải	Ấp 1, Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	1092,6	-	-	1092,6	-	889,3	203,3	-	-	-	313.685.460	56.678.400	-	360.558.000	20.000.000	750.921.860	

12	Ông Hoàng Văn Thanh và bà Trần Thị Trang	Áp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai.	3981,8	-	-	3981,8	2358,3	-	116,5	1.507	-	-	918.003.990	1.296.000	43.480.042	951.369.300	20.000.000	1.934.149.332	
13	Ông Ông Nguyễn Văn Giang và bà Nguyễn Thị Phụng	Áp 7, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	23,9	-	-	23,9	-	-	-	23,9	-	-	7.142.410	9.216.000	1.543.427	7.388.700	4.000.000	29.290.537	
14	Bà Hồ Thị Thủy cùng sử dụng đất với bà Hồ Thị Thu	Áp Tân Bình 2 Xuân Phú, Thành phố Đồng Nai	1011,5	-	-	1011,5	1011,5	-	-	-	-	-	777.337.750	415.385.779	18.962.042	-	20.000.000	1.231.685.571	
15	Ông Nguyễn Đăng Tuyển	Áp 6, Xuân Đông, Thành phố Đồng Nai	1.139	4,1	4,1	1134,9	1134,9	-	-	-	-	-	887.865.450	671.363.972	3.278.571	903.100.500	-	2.465.608.493	
16	Ông Nguyễn Văn Hòa	Áp 9, Xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	7.174	-	-	7.174	2656,6	-	4517,4	-	-	-	2.817.229.800	-	127.158.720	3.551.985.000	20.000.000	6.516.373.520	
17	Ông Nguyễn Văn Chương và bà Lê Thị Huệ	Áp 1, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	7630,9	-	-	7630,9	4.577	-	3053,9	-	-	-	1.729.779.478	186.027.927	262.678.125	2.182.104.300	20.000.000	4.380.589.830	
18	Ông Trình Văn Đa và bà Nguyễn Thị Lành (Tranh chấp với ông Lê Hữu Hùng)	Áp 1, Xuân Đông, Đồng Nai	893,1	-	-	893,1	893,1	-	-	-	-	-	198.954.101	-	14.285.455	-	-	213.239.556	
19	Ông Nguyễn Đại Thắng và bà Phạm Thị Minh Xuân	Khu phố 4, phường Long Khánh, thành phố Đồng Nai	4.036	-	-	4.036	-	-	-	4.036	-	-	677.200.440	38.432.640	163.309.104	1.710.000	20.000.000	900.652.184	
20	Ông Cao văn Phú và bà Đặng Thị Xuân Hương	Áp 1, Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	4963,8	-	-	4963,8	-	-	4963,8	-	-	-	1.131.890.852	53.975.871	159.630.434	1.249.107.720	20.000.000	2.614.604.877	
21	Ông Lâm Cá Phúc và bà Phan Thị Ngọc Dung	Áp 1, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	334,2	-	-	204,4	204,4	-	-	-	-	-	63.241.360	-	13.224.901	81.426.000	12.000.000	169.892.261	
22	Ông Lâm Cá Vô và bà Trần Há Múi	Áp 1, xã Xuân Đông, Tp Đồng Nai	317	-	-	206,9	206,9	-	-	-	-	-	64.014.860	-	7.591.615	82.401.000	12.000.000	166.007.475	
23	Ông Lâm Cá Sầu và bà Sầu Sám Mùi	Áp 1, xã Xuân Đông, TP. Đồng Nai	295,1	-	-	295,1	295,1	-	-	-	-	-	80.699.850	-	5.306.939	103.432.500	12.000.000	201.439.289	
24	Ông Lâm Cá Phạt	Áp 1, xã Xuân Đông, tỉnh Đồng Nai	859,7	-	-	633,6	633,6	-	-	-	-	-	196.035.840	36.021.120	31.125.367	247.959.000	20.000.000	531.141.327	
25	Ông Nguyễn Doãn Định và bà Nguyễn Thị Sinh	Tổ 26, ấp Tam Hiệp, xã Xuân Lộc, thành phố Đồng Nai	1970,8	-	-	1970,8	-	-	1970,8	-	-	-	330.680.532	83.887.360	59.023.883	1.710.000	16.000.000	491.301.775	
26	Ông Lê Hữu Hùng và bà Trần Thị Tuyết (Tranh chấp với ông Trịnh Văn Đa)	Áp Tam Hiệp, Phường Xuân Lộc, thành phố Đồng Nai	1118,2	-	-	1118,2	1118,2	-	-	-	-	-	187.622.778	2.403.200	343.070.182	-	20.000.000	553.096.160	

27	Ông Lường A Nhì	Ấp 3, Xuân Đông, Đồng Nai	13900,6	-	-	13900,6	-	-	13900,6	-	-	-	2.332.381.674	45.657.955	121.897.576	-	20.000.000	2.519.937.205	
28	Ông Ngô Quang Khách	ấp Gia Ray 7, xã Xuân Lộc, thành phố Đồng Nai	17,4	-	-	17,4	17,4	-	-	-	-	-	5.742.000	400.440	156.570	1.710.000	2.000.000	10.009.010	
Tổng			77056,1	304,1	304,1	76.286	19096,4	889,3	35724,2	15862,1	4.714	-	21.483.906.825	3.070.244.626	1.768.127.555	15.559.659.885	434.000.000	42.315.938.891	
1. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân:																		42.315.938.891	
Trong đó: Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để tính mức trích kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (không bao gồm thưởng bàn giao mặt bằng)																		41.881.938.891	
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%																		1.465.867.861	
Trong đó:																			
- Trung Tâm Phát Triển quỹ đất Thành Phố Đồng Nai, Chi nhánh Xuân Lộc (85%)																		1.245.987.682	
- UBND Xã Xuân Đông (15%)																		219.880.179	
Tổng cộng (1+2):																		43.781.806.752	

Bằng chữ: Bốn mươi ba tỷ, bảy trăm tám mươi một triệu, tám trăm lẻ sáu ngàn, bảy trăm năm mươi hai đồng